

Checklist nghiệm thu vật liệu đầu vào gạch AAC, tấm AAC, tấm ALC và vữa E-Block

Trình tự kiểm tra khi nhận hàng tại công trường, bộ chứng từ, giới hạn kích thước và ngoại quan theo TCVN, thí nghiệm đối chứng và 3 biểu mẫu in sẵn (trang 5-7).

TRẢ LỜI NGẮN

Nhận gạch AAC tại công trường gồm ba việc: đối chiếu CO/CQ với phiếu giao hàng; đếm pallet; kiểm ngoại quan và đo ngẫu nhiên theo giới hạn TCVN 7959:2017 (dài ± 3 mm, cao và dày ± 2 mm). Hàng thiếu, sai quy cách hoặc bể vỡ: báo Càn Thanh ngay khi giao.

01 Trình tự 7 bước khi xe đến công trình

#	Bước	Kiểm gì	Đối chiếu với · ghi vào
1	Phiếu giao hàng	Sản phẩm, quy cách, độ dày, số m ³ hoặc số bao	Đơn hàng đã chốt
2	Nhãn kiện	Cường độ (MPa) và kích thước ghi trên nhãn	Phiếu giao hàng · chứng chỉ chất lượng (trang 2)
3	Đếm pallet	Số pallet × số viên (tấm, bao) mỗi pallet	Bảng đóng gói (trang 3) · BM-01 phần B
4	Thanh toán, hạ hàng	Khách thanh toán trước khi hạ hàng; xe cẩu hạ hàng xuống vị trí trong tầm cẩu (xe không cẩu: bên mua bố trí người bốc dỡ)	Mặt bằng tập kết phẳng, không đọng nước
5	Ngoại quan	Nứt gãy, số vết nứt cạnh, nứt góc theo TCVN; đếm viên bể vỡ	Giới hạn TCVN (trang 3) · bể vỡ: chính sách Càn Thanh · BM-01, BM-02
6	Đo ngẫu nhiên	Dài, cao, dày bằng thước lá kim loại; mỗi chiều đo 3 vị trí đầu – giữa – cuối	Giới hạn TCVN (trang 3) · BM-01 phần C
7	Ký nhận hoặc lập biên bản	Mọi sai lệch: chụp ảnh, quay video ngay tại chỗ	Phiếu giao hàng · BM-02

Chính sách giao nhận của Càn Thanh (không phải giới hạn nghiệm thu theo TCVN). Hàng thiếu hoặc sai quy cách: thông báo ngay tại thời điểm giao nhận. Hàng bể vỡ trên 4 % (tính trên tổng số lượng đơn hàng theo m³): thông báo ngay khi nhận hàng để Càn Thanh kiểm tra và hỗ trợ xử lý. Phát hiện bất thường sau khi đã ký nhận và đưa vào thi công thì khó xác định nguyên nhân – nên kiểm ngay lúc giao.

HỖ TRỢ NGHIỆM THU

Cần hỗ trợ nghiệm thu hoặc lấy mẫu thí nghiệm?

0967 213 312 · 0982 127 343

Gửi tên công trình và số phiếu giao hàng qua Zalo 0967 213 312 · canthanh.com.vn



Quét để nhắn Zalo

02 · Bộ chứng từ khi nhận hàng

Mỗi phiếu giao hàng đi kèm bộ CO/CQ của nhà máy. Chúng chỉ chất lượng cấp riêng cho từng quy cách trong phiếu giao.

Chứng từ	Ai cấp	Khi nào	Ghi gì
Phiếu giao hàng	Cần Thanh	Mỗi chuyến giao	Sản phẩm, quy cách, số lượng (m³, bao), công trình
Hóa đơn	Cần Thanh	Theo đơn hàng	Giá trị hàng hóa, VAT
Chứng chỉ xuất xưởng (CO)	Nhà máy Tân Kỳ Nguyên	Theo hợp đồng / lệnh giao hàng và phiếu giao	Danh mục sản phẩm, mã, quy cách, số lượng; xác nhận đủ điều kiện xuất xưởng
Chứng chỉ chất lượng (CQ)	Nhà máy Tân Kỳ Nguyên	Mỗi quy cách trong mỗi phiếu giao, kèm hàng	Tiêu chuẩn, cấp, ngày sản xuất, kích thước, số lượng; kết quả khối lượng thể tích khô, cường độ nén, sai số kích thước, ngoại quan; kết luận
Hồ sơ hợp quy QCVN 16:2023/BXD	Nhà máy · Cần Thanh gửi	Khi khách yêu cầu	Giấy chứng nhận Vietcert 3410399240 – tài liệu C1
Hồ sơ chịu lửa EI 240	Cần Thanh gửi	Khi khách yêu cầu	Báo cáo thử nghiệm 0110-2023/TNCL – tài liệu C2
Thông số kỹ thuật	Cần Thanh	Tải tại canthanh.com.vn	Gạch AAC (B1) · tấm ALC (B2) · bộ vữa (B3)
Bản sao phiếu thử nghiệm	Cần Thanh gửi	Khi khách yêu cầu	Kết quả thử của phòng thí nghiệm độc lập



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHỐI TÂN KỲ NGUYÊN
NEW ERA BLOCK JOINT STOCK COMPANY
Lô E3-E4-E5-E6 đường số 05, KCN Thịnh Phát, Ấp 3, Xã Thạnh Lợi, Tỉnh Tây Ninh

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG
QUALITY CERTIFICATE

1 No.: 59,912

Date: 27 / 4 / 2026

Tên sản phẩm: Product Name	Gạch bê tông khí chưng áp Autoclaved Aerated Concrete	4 Ngày sản xuất: Date of muf	31/03/2026
Tiêu chuẩn: Standard	2 TCVN 7959 : 2017	Ngày giao hàng: Date of Delivery	27 / 4 / 2026
Cấp độ: Grade No.	3 EB-3.5	5 Kích thước: Dimensions	600x200x100mm
Thông tin liên quan: Ref.	(đã che tên công trình và khách hàng)	Số lượng: Quantity	4.3200 m³

THÔNG SỐ KỸ THUẬT - SPECIFICATIONS

Chi tiêu (Characteristics)	Yêu cầu (Requirements)	Kết quả thử nghiệm (Test Results)	Ghi chú (Remarks)
6 Khối lượng thể tích khô (Dry density)	451 - 550 (kg/m³)	470 - 550 kg/m³	
Cường độ chịu nén (Compressive strength)	Average 3.5Mpa	min 3.5 Mpa	
Sai số kích thước (Accuracy)	Dài (Length): ± 1.5 mm Cao (Height): ± 1.5 mm Dày (Width): ± 1.5 mm	Dài (Length): ± 1.0 mm Cao (Height): ± 1.0 mm Dày (Width): ± 1.0 mm	
Hình thức ngoại quan (Appearance)	Theo tiêu chuẩn (According to the Standard)	Tốt (Good)	
Kết luận (Conclusion)	7 ☒ Đạt tiêu chuẩn (Conformed) ☐ Không đạt tiêu chuẩn (Not conformed)		

PHÒNG THÍ NGHIỆM - LABORATORY





- 1 **Số chứng chỉ** trùng số phiếu giao hàng
- 2 **Tiêu chuẩn sản phẩm:** gạch TCVN 7959:2017; vữa: TCVN 9028
- 3 **Cấp độ:** EB-3.5 – cấp cường độ nén 3,5 MPa
- 4 **Ngày sản xuất** và ngày giao hàng
- 5 **Kích thước, số lượng** – phải khớp phiếu giao và nhãn kiện
- 6 **Bảng chỉ tiêu:** yêu cầu và kết quả khối lượng thể tích khô, cường độ nén, sai số kích thước, ngoại quan
- 7 **Kết luận:** đạt tiêu chuẩn; ký phòng thí nghiệm và giám đốc nhà máy

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHỐI TÂN KỲ NGUYÊN
NEW ERA BLOCK JOINT STOCK COMPANY
Lô E3-E4-E5-E6 Đường số 5, KCN Thịnh Phát
Ấp 3, Xã Thạnh Lợi, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
(84) 272 364 0015 (84) 272 364 0016
eblock@newerahome.vn newerahome.vn



GẠCH BÊ TÔNG
KHÍ CHUNG AP
AUTOCCLAVED AERATED CONCRETE BLOCK
Made in Vietnam | TCVN: 7959:2017



CƯỜNG ĐỘ / COMPRESSION STRENGTH (MPa)
☐ 3.0 ☐ 3.5 ☐ 4.0 ☒ 5.0 ☐

TRỌNG LƯỢNG KHÔ / DRY DENSITY
☐ 0500 ☐ 0600 ☐ 0700 ☐ 0800 ☐

KÍCH THƯỚC / DIMENSION (mm)
- Dài/Length: 600
- Rộng/Width: 200
- Dày/Thickness: 100

SỐ LÔ / LOT. 262 0326

Nhãn kiện gạch E-Block: nhà sản xuất, TCVN 7959:2017, cường độ (MPa) và kích thước. Đối chiếu cường độ, kích thước với phiếu giao và CQ. Số lô dùng để truy vết sản phẩm khi cần.

Chứng chỉ chất lượng thật của một phiếu giao gạch 600 × 200 × 100 mm – đã che tên công trình và khách hàng.

Cần Thanh – nhà phân phối chính thức E-Block · cập nhật 16/10/2026

Trang 2/7

03 · Kích thước, ngoại quan và đếm hàng**Giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn**

Chỉ tiêu	Gạch AAC TCVN 7959:2017, dạng khối	Tấm AAC không cốt thép 1200 × 600 TCVN 7959:2017, dạng tấm	Tấm ALC có cốt thép EPANEL TCVN 12867:2020
Chiều dài	± 3 mm	± 4 mm	± 5 mm
Chiều cao (cạnh 200–300 mm của gạch, 600 mm của tấm)	± 2 mm	± 3 mm	± 4 mm
Chiều dày	± 2 mm	± 2 mm	± 2 mm
Độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	≤ 1 mm	≤ 2 mm	Phẳng ≤ 2 mm dưới thước 2 m · chênh hai đường chéo ≤ 6 mm
Sứt cạnh, sứt góc	Vết sâu 10–15 mm, dài 20–30 mm: ≤ 3 vết	Vết sâu 10–15 mm, dài 20–30 mm: ≤ 4 vết	Vết 50–200 mm: ≤ 2 · không vết lớn hơn 200 mm
Nứt, lỗ khí	—	—	Không nứt xuyên suốt tấm; ≤ 2 vết dài trên 50 mm hoặc rộng trên 0,5 mm · lỗ khí 5–30 mm: ≤ 3

Cách đo (TCVN 9030:2017, được TCVN 7959:2017 dẫn). Lấy ngẫu nhiên tối thiểu 10 viên làm mẫu đại diện cho một lô gạch (lô cùng cấp cường độ và nhóm khối lượng thể tích khô, không quá 500 m³); 5 tấm với tấm không cốt thép. Dùng thước lá kim loại vạch 1 mm, đo mỗi chiều ở 3 vị trí đầu – giữa – cuối, lấy trung bình. Tấm ALC có cốt thép: kiểm kích thước và ngoại quan tối thiểu 10 tấm mỗi lô (TCVN 12869:2020, mục 9.2.3).

Sứt góc và bể vỡ – hai căn cứ khác nhau. Sứt cạnh, sứt góc nghiệm thu theo TCVN 7959:2017 (bảng trên): viên sứt trong giới hạn vẫn dùng được ở hầu hết các vị trí, chỗ sứt dùng vữa xây để bù. **Viên bể vỡ** không thuộc bảng sai lệch của TCVN; Càn Thanh tiếp nhận theo **chính sách giao nhận**: tổng bể vỡ trên 4 % số lượng đơn hàng (theo m³) thì báo ngay khi nhận hàng để Càn Thanh kiểm tra và hỗ trợ xử lý. Mức 4 % là chính sách của Càn Thanh, không phải giới hạn nghiệm thu theo tiêu chuẩn.

04 Đếm hàng theo pallet

Sản phẩm · quy cách (mm)	Dày 75	Dày 100	Dày 150	Dày 200
Gạch AAC 600 × 200	234 viên 2,106 m³	180 viên 2,160 m³	108 viên 1,944 m³	90 viên 2,160 m³
Gạch AAC 600 × 300	156 viên 2,106 m³	120 viên 2,160 m³	72 viên 1,944 m³	60 viên 2,160 m³
Tấm AAC không cốt thép 1200 × 600	—	9 tấm 0,648 m³	6 tấm 0,648 m³	—
Tấm ALC có cốt thép EPANEL 1200 × 600	12 tấm 0,648 m³	9 tấm 0,648 m³	6 tấm 0,648 m³	4 tấm 0,576 m³
Vữa EBT-104 · EBP-202 · EBS-302	Bao 25 kg · 40 bao/pallet (≈ 1.000 kg vữa, chưa gồm pallet và bao bì)			

Số m³ mỗi pallet tính theo kích thước danh nghĩa. **Ví dụ:** đơn 10 pallet gạch 600 × 200 × 100 = 1.800 viên = 21,6 m³; mức 4 % theo chính sách giao nhận của đơn này là 0,864 m³ ≈ 72 viên.

05-06 · Vữa, phụ kiện và thí nghiệm đối chứng

05 Vữa và phụ kiện

Vật tư	Kiểm khi nhận
Vữa bao 25 kg EBT-104 vữa xây · EBP-202 vữa tô · EBS-302 vữa tô mỏng	Đúng mã theo phiếu giao · bao nguyên, không rách, không ướt · ngày sản xuất in trên bao: dùng trong 6 tháng · không vón cục. CQ vữa ghi cường độ nén và cường độ bám dính theo tiêu chuẩn vữa cho bê tông nhẹ TCVN 9028 – phiên bản hiện hành TCVN 9028:2026 (thay thế TCVN 9028:2011)
Vữa đàn hồi EBF-501 (thùng)	Nắp kín, đúng số thùng · dùng trong 12 tháng khi nắp kín
Pát thép, bay xây	Đúng quy cách và số lượng trên phiếu giao
Bảo quản sau khi nhận	Kiện gạch chống tối đa 2 kiện trên mặt bằng phẳng, không để ngập nước · vữa để nơi khô ráo, chống không quá 10 bao

06 Thí nghiệm đối chứng

Khi nào nên làm	Hồ sơ dự án hoặc tư vấn giám sát yêu cầu; hoặc có nghi ngờ về chất lượng một lô hàng
Lấy mẫu	Theo TCVN 9030:2017: lấy ngẫu nhiên tối thiểu 10 viên làm mẫu đại diện cho một lô gạch (5 sản phẩm với dạng tấm nhỏ), nếu các bên không có thỏa thuận riêng. Mẫu lấy trực tiếp tại công trường, có chữ ký xác nhận của khách hàng trên mẫu
Gia công mẫu	Phòng thí nghiệm gia công viên mẫu theo TCVN 9030:2017. Càn Thanh có thể hỗ trợ gia công mẫu theo yêu cầu kỹ thuật thí nghiệm
Phòng thí nghiệm	Hai bên thống nhất lựa chọn phòng thí nghiệm có chuyên môn và năng lực thử sản phẩm AAC
Chi phí	Công trình khối lượng trên 500 m³: Càn Thanh hỗ trợ toàn bộ chi phí cho 01 lần thí nghiệm
Tấm ALC có cốt thép	TCVN 12869:2020, mục 9.2.3: tính chất cơ lý tối thiểu 1 lần cho công trình; chỉ tiêu theo TCVN 12867:2020

Đối chiếu kết quả với yêu cầu – TCVN 7959:2017, Bảng 4

Cấp gạch Càn Thanh phân phối	Cường độ nén trung bình, không nhỏ hơn	Khối lượng thể tích khô trung bình
B3 · D500	3,5 MPa	451 – 550 kg/m³
B4 · D600	5,0 MPa	551 – 650 kg/m³
B6 · D700	7,5 MPa	651 – 750 kg/m³

Độ co khô không lớn hơn 0,2 mm/m (TCVN 7959:2017, mục 6.4). Phiếu thí nghiệm ghi rõ quy cách viên mẫu và độ ẩm khi nén – hai yếu tố này ảnh hưởng tới con số; khi cần đọc phiếu, gửi Càn Thanh để đối chiếu cùng.

Biên soạn và duyệt kỹ thuật: Đội ngũ kỹ thuật Càn Thanh – nhà phân phối chính thức E-Block, hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực gạch AAC và KCS tại công trường.
Số liệu trong bài lấy từ đâu: TCVN 7959:2017 (Bảng 2, 3, 4) · TCVN 9030:2017 (mục 4, 5.2) · TCVN 12867:2020 · TCVN 12869:2020 (mục 9.2) · TCVN 9028:2026 · chứng chỉ chất lượng nhà máy Tân Kỳ Nguyên · bảng quy cách đóng gói và chính sách giao nhận của Càn Thanh.
Cập nhật: 16/10/2026 · Hotline 0967 213 312 · 0982 127 343

Công trình:

Ngày giao:

Số phiếu giao hàng:

Người nhận (bên mua):

Người giao:

A. Trình tự kiểm tra

#	Nội dung	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Phiếu giao khớp đơn hàng (sản phẩm, quy cách, số lượng)	☐	☐	
2	Nhãn kiện khớp phiếu giao và CQ (cường độ, kích thước)	☐	☐	
3	Đủ CO và CQ cho từng quy cách trong phiếu giao	☐	☐	
4	Số pallet, số viên/tấm/bao đúng phiếu giao (phần B)	☐	☐	
5	Ngoại quan theo TCVN 7959:2017: không nứt gãy; sứt cạnh, sứt góc trong giới hạn	☐	☐	
6	Bể vỡ: đếm và ghi số lượng; trên 4 % đơn hàng (chính sách Cà Thanh) – lập BM-02	☐	☐	
7	Kích thước đo ngẫu nhiên trong giới hạn (phần C)	☐	☐	
8	Vữa: đúng mã, bao nguyên, ngày sản xuất còn trong 6 tháng	☐	☐	

B. Đếm hàng

Quy cách	Số pallet	SL / pallet	Tổng SL	Tổng m³	Theo phiếu giao	Chênh lệch

C. Đo ngẫu nhiên (mm) – mỗi chiều đo 3 vị trí, ghi giá trị trung bình

Giới hạn gạch AAC: dài ± 3 · cao ± 2 · dày ± 2 · sứt góc ≤ 3 vết (sâu 10–15, dài 20–30 mm) – bảng đầy đủ ở trang 3.

Viên	Quy cách	Dài	Cao	Dày	Số vết sứt	Đạt / Không
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						

Bên nhận hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Bên giao hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Công trình:

Ngày, giờ giao:

Số phiếu giao hàng:

Tổng khối lượng đơn hàng (m³):

Số xe:

Loại sai lệch	Quy cách	SL theo phiếu	SL thực nhận / bể vỡ	Quy ra m³	Vị trí pallet	Ảnh / video số
☐ Thiếu hàng						
☐ Thiếu hàng						
☐ Sai quy cách						
☐ Sai quy cách						
☐ Bể vỡ						
☐ Bể vỡ						
☐ Bể vỡ						

Tỷ lệ bể vỡ = tổng m³ bể vỡ ÷ tổng khối lượng đơn hàng (m³) × 100 = ... % ☐ Không quá 4 % ☐ Trên 4 % – báo Càn Thanh ngay

Mức 4 % theo chính sách giao nhận của Càn Thanh, không phải giới hạn nghiệm thu theo TCVN.

Thời điểm báo Càn Thanh (giờ, ngày):

Người nhận thông tin:

Mô tả hiện trạng:

:

:

Phương án xử lý hai bên thống nhất:

:

:

:

Theo chính sách giao nhận của Càn Thanh: hàng thiếu hoặc sai quy cách thông báo ngay tại thời điểm giao nhận; hàng bể vỡ trên 4 % (tính trên tổng số lượng đơn hàng theo m³) thông báo ngay khi nhận hàng để Càn Thanh kiểm tra và hỗ trợ xử lý. Đính kèm ảnh, video hiện trạng.

Bên nhận hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Bên giao hàng / đại diện Càn Thanh
(ký, ghi rõ họ tên)

Công trình:

Chủ đầu tư / nhà thầu:

Tổng khối lượng đặt hàng (m³): Người liên hệ, điện thoại:

Mục	Nội dung
Sản phẩm, quy cách	
Cấp cường độ / nhóm khối lượng thể tích khô	
Số phiếu giao hàng · ngày sản xuất (trên CQ)	
Chỉ tiêu thí nghiệm	☐ Cường độ nén ☐ Khối lượng thể tích khô ☐ Độ co khô ☐ Kích thước, ngoại quan ☐ Khác:
Tiêu chuẩn	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7959:2017 · lấy mẫu và phương pháp thử TCVN 9030:2017 (tấm ALC có cốt thép: TCVN 12867:2020, TCVN 12868:2020)
Số lượng sản phẩm lấy mẫu	
Phòng thí nghiệm hai bên thống nhất	
Gia công viên mẫu	☐ Phòng thí nghiệm ☐ Càn Thanh hỗ trợ
Chi phí thí nghiệm	☐ Càn Thanh hỗ trợ (công trình trên 500 m³, 01 lần) ☐ Bên yêu cầu

Xác nhận lấy mẫu tại công trường

Thời gian lấy mẫu: Vị trí, pallet lấy mẫu:

Ký hiệu mẫu: Số lượng mẫu:

☐ Khách hàng đã ký xác nhận trực tiếp trên mẫu ☐ Mẫu được niêm phong, bàn giao cho:

Đại diện bên yêu cầu
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Càn Thanh
(ký, ghi rõ họ tên)

Khi có kết quả: đối chiếu với yêu cầu của cấp tương ứng trong TCVN 7959:2017, Bảng 4 (trang 4). Cản hỗ trợ đọc phiếu thí nghiệm:
Zalo 0967 213 312 · 0982 127 343.